

MÔ TẢ/ DESCRIPTIONS

Van Chống Va là thiết bị ngăn ngừa hiện tượng tăng áp của máy nén khí ly tâm trong quá trình vận hành.

Để ngăn chặn sự tăng áp, van giữ cho dòng chảy không đi vào khu vực tăng áp. Khi máy nén hoạt động, khi điện trở của hệ thống đường ống tăng lên, tốc độ dòng chảy sẽ giảm theo và có thể giảm xuống dưới giá trị cho phép. Van chống va hoàn hảo phải được kiểm soát theo hai tín hiệu của áp suất và lưu lượng đầu ra của máy nén.

The Anti-Surge Valve is a device to prevent the surge phenomenon of the centrifugal gas compressor during operation.

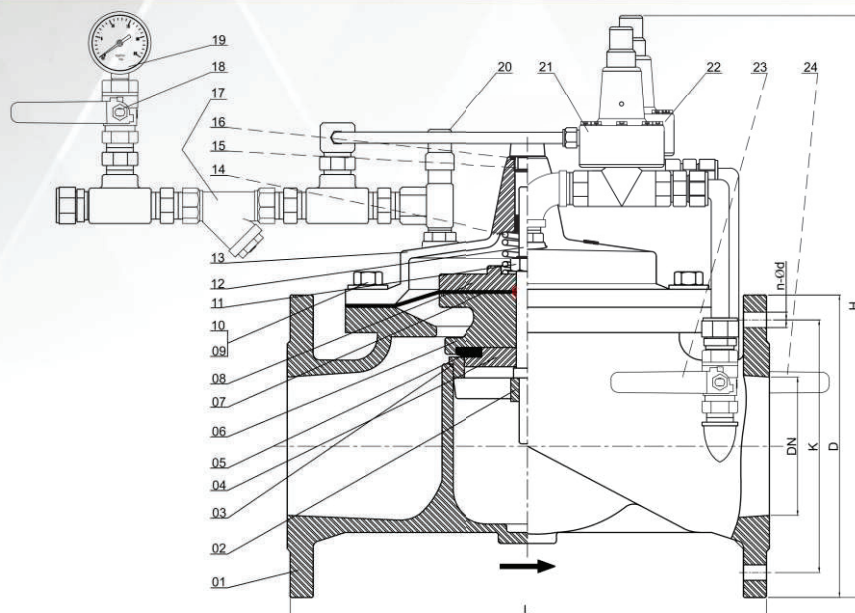
In order to prevent surge, keep the flow from entering the surge region. When the compressor is running, when the pipeline system resistance increases, the flow rate will decrease accordingly, and may drop below the allowable value. A perfect anti-surge device should be controlled according to the two signals of compressor outlet pressure and flow.

Mã Sản Phẩm Product Code	H600	
Kích Thước Size	DN50 - DN600	
Tiêu Chuẩn Thiết Kế Design Standard	BS EN 1074-5	
	BS 5163-2	
Tiêu Chuẩn Khoảng Cách 2 Mặt Bích Face To Face Standard	BS EN 558-1 TABLE 1 SERIES 1	
	ISO 5752 TABLE 1 SERIES 1	
Kiểu Kết Nối Connection End	MẶT BÍCH FLANGED	
Tiêu Chuẩn Kết Nối Và Áp Suất Làm Việc Connection Standard And Pressure Rating	BS 4504 DIN 2632 DIN 2633	PN10, PN16, PN20, PN25
	ASME B16.42	150LB
Sơn Phủ Paint Coating	Loại Sơn Type	EPOXY RESIN POWDER
	Tiêu Chuẩn Standard	JIS K 5551:2002 (TCVN 9014:2011)
	Màu Sắc Colour	XANH - ĐỎ RED - BLUE
	Độ Dày Thickness	250 μ m~300 μ m
Nhiệt Độ Làm Việc Working Temp	-10°C~ 80°C	
Môi Trường Làm Việc Flow Media	Hệ Thống Nước/ Water Systems	



H600 - VAN CHỐNG VA H600 - ANTI - SURGE VALVE

HÌNH VẼ/ DETAIL DRAWING



DANH MỤC VẬT LIỆU/ PARTS LIST & MATERIAL

No	Part Name	Material	Material Code
1	Body	Ductile Iron	ASTM A536/EN GJS 500-7
2	Seat	Stainless Steel	ASTM A182 F304
3	O-Ring	Rubber	NBR
4	Gasket Fastener	Stainless Steel	ASTM A182 F304
5	Gasket	Rubber	NBR
6	Lower Plate	Ductile Iron	ASTM A536/EN GJS 500-7
7	Diaphragm	Rubber + Nylon Fabric	EPDM + Nylon
8	Upper Plate	Ductile Iron	ASTM A536/EN GJS 500-7
9	Bolt	Stainless Steel	A193 B8
10	Washer	Stainless Steel	ASTM A182 F304
11	Nut	Stainless Steel	A194 Gr.8
12	Stem	Stainless Steel	ASTM A182 F304
13	Bonnet	Ductile Iron	ASTM A536/EN GJS 500-7
14	Spring	Stainless Steel	ASTM A182 F304
15	Top Screw Guide	Stainless Steel	ASTM A182 F304
16	O-RING	Rubber	NBR
17	Y-Strainer	Stainless Steel	ASTM A182 F304
18	Ball Valve	Stainless Steel	ASTM A182 F304
19	Pressure Gage	Stainless Steel	ASTM A182 F304
20	Needle Valve	Stainless Steel	ASTM A182 F304
21	Reducing Pilot	Stainless Steel	ASTM A182 F304
22	Relief Pilot	Stainless Steel	ASTM A182 F304
23	Ball Valve	Stainless Steel	ASTM A182 F304
24	Ball Valve	Stainless Steel	ASTM A182 F304

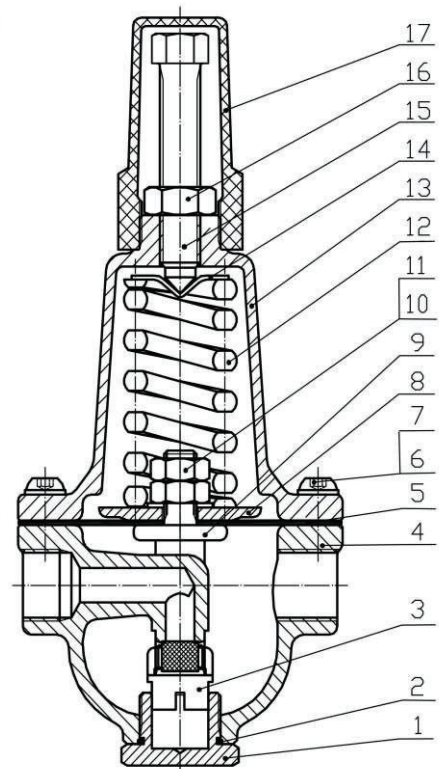
H600 - VAN CHỐNG VA H600 - ANTI - SURGE VALVE

KÍCH THƯỚC H600/ H600 DIMENSION (mm)

DN	Model/No.	L	H	D			K			n-Ød			C		
				PN10	PN16	PN25	PN10	PN16	PN25	PN10	PN16	PN25	PN10	PN16	PN25
50	H600 - 0050	230	269	165	165	125	125	125	125	4-Ø19	4-Ø19	19	19	19	19
65	H600 - 0065	290	299	185	185	145	145	145	145	4-Ø19	8-Ø19	19	19	19	19
80	H600 - 0080	310	326	200	200	160	160	160	160	8-Ø19	8-Ø19	19	19	19	19
100	H600 - 0100	350	371	220	235	180	190	180	190	8-Ø19	8-Ø23	19	19	19	19
125	H600 - 0125	355	425	250	270	210	220	210	220	8-Ø19	8-Ø23	19	19	19	19
150	H600 - 0150	480	478	285	300	240	250	240	250	8-Ø23	8-Ø28	19	20	19	20
200	H600 - 0200	600	579	340	360	295	310	295	310	8-Ø23	12-Ø23	12-Ø28	20	22	22
250	H600 - 0250	730	681	395	405	425	350	355	370	12-Ø23	12-Ø28	12-Ø31	22	24.5	24.5
300	H600 - 0300	850	758	445	460	485	400	410	430	12-Ø23	12-Ø28	16-Ø31	24.5	27.5	27.5
350	H600 - 0350	980	849	505	520	555	460	470	490	16-Ø23	16-Ø28	16-Ø34	24.5	30	30
400	H600 - 0400	1100	916	565	580	620	515	525	550	16-Ø26	16-Ø31	16-Ø37	24.5	32	32
500	H600 - 0500	1250	1080	670	704	730	620	650	660	20-Ø26	20-Ø34	20-Ø37	26.5	36.5	36.5
600	H600 - 0600	1450	1260	780	827	845	725	770	770	20-Ø30	20-Ø37	20-Ø40	30	42	42

DANH MỤC VẬT LIỆU PILOT/ PILOT PART LIST & MATERIAL

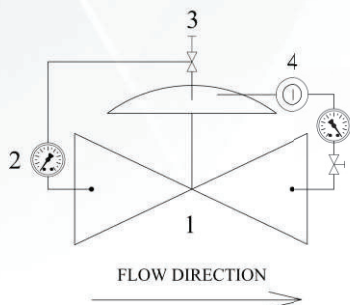
No	Part Name	Material	Material Code
1	Screw Plug	Stainless Steel	ASTM A182 F304
2	O-Ring	Rubber	NBR
3	O-Ring	Rubber	NBR
4	Body	Stainless Steel	ASTM A531 CF8
5	Diaphragm	Rubber +	NBR/EPDM
6	Screw	Stainless Steel	ASTM A193 B8
7	Washer	Stainless Steel	ASTM A182 F304
8	Plate	Stainless Steel	ASTM A182 F304
9	Hanger	Stainless Steel	ASTM A182 F304
10	Nut	Stainless Steel	ASTM A194 Gr.8
11	Washer	Stainless Steel	ASTM A182 F304
12	Main Spring	Stainless Steel	ASTM A351 CF8
13	Bonnet	Stainless Steel	ASTM A182 F304
14	Spring Cover	Stainless Steel	ASTM A182 F304
15	Bolt	Stainless Steel	ASTM A182 F304
16	Nut	Stainless Steel	ASTM A194 Gr.8
17	Cap Guard	Plastic	Commercial



H600 - VAN CHỐNG VA H600 - ANTI - SURGE VALVE

SƠ ĐỒ VAN / DIAGRAM THE ANTI - SURGE VALVE

1. Cụm thân van
Main Valve
2. Đồng hồ áp suất
Pressure Gauge
3. Van kim
Needle Valve
4. Pilot giảm áp
Pressure Reducing Pilot



PILOT GIẢM ÁP / REDUCING PILOT

Pilot Giảm Áp/ Pressure Reducing Pilot

Kiểu/ Model No : H600

Dãi Áp/ Range : 2bar-8bar

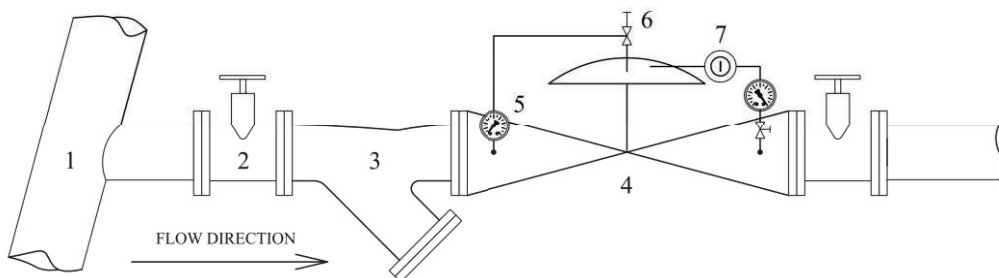
(Cài Đặt/ Adjustable)

Kết Nối/ Connection : ISO7- Rc3/8"

Ghi chú: Nhà sản xuất có thể sử dụng loại khác

Remark: Manufacturers may use different types

SƠ ĐỒ KẾT NỐI ĐƯỜNG ỐNG / DIAGRAM OF PIPE CONNECTION



1. Ống cấp nước chính/ Main Supply Line
2. Van cổng/ Gate Valve
3. Van Y lọc/ Y-Strainer
4. Cụm thân van/ Main Valve

5. Đồng hồ áp suất/ Pressure Gauge
6. Van kim/ Needle Valve
7. Pilot giảm áp/ Pressure Relief Pilot

THÔNG TIN ĐẶT HÀNG / ORDER INFORMATION

H600 - 0100 - 10 - D2 B

Loại - Model:
H600: Van Chống Va
The Anti - Surge Valve

Cỡ Van - Valve Size:
0050: DN50, **0100:** DN100

B: Màu Xanh - Blue
R: Màu Đỏ - Red
D2: Gang Cầu - Ductile Iron

Mặt Bích và Áp Lực
Flange & Pressure

10: PN10 **16:** PN16 **25:** PN25
1K: JIS 10K **A1:** ANSI 150-LB